

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Ba – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: bà Phạm Thị V, sinh năm 1977. Trú tại: thôn 3, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

-Bị đơn: Ông Trần B, sinh năm 1975. Trú tại: thôn 3, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt không lý do (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (V) và ông Trần B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 22/7/2002, tôi và ông Trần B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định theo Nghị định 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông B chơi cờ bạc, thường xuyên xúc phạm, đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn gay gắt từ năm 2014, mặc dù đã được chính quyền, đoàn thể và gia đình hòa giải, khuyên nhủ nhưng ông B không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2016 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng tôi sinh được 04 (bốn) con chung là Trần Quang V, sinh ngày 29/5/1997; Trần Thanh N, sinh ngày 14/3/2002; Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/4/2003 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 02/5/2011. Sau khi, vợ chồng sống ly thân thì các con chung đều do tôi nuôi dưỡng. Do đó, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 03(ba) con chung là Trần Thanh N, Trần Thị Thu T và Trần Thị Thảo V. Đối với con chung Trần Quang V đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông B cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Các con chung Trần Thanh N và Trần Thị Thu T đều có nguyện được sống với mẹ là bà Phạm Thị V.

Về tài sản chung và nợ chung: tôi và ông B tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đương sự không kê khai.

-Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Trần B nhưng đương sự đều cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định pháp luật được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Trần B; Về con chung: giao 03(ba) con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 14/3/2002; Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/4/2003 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 02/5/2011 cho bà Phạm Thị

V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Nguyên đơn bà Phạm Thị V không yêu cầu ông B cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: do đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Trần B được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2, nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần B là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị V và ông Trần B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 và đến ngày 22/7/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà V và ông B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú phù hợp với lời khai của nguyên đơn trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: bà Phạm Thị V và ông Trần B chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Nguyên nhân do ông B không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường xuyên đánh đập, xúc phạm vợ con. Mặc dù, gia đình và chính quyền hòa giải nhiều lần nhưng ông B không có sự chuyển biến tích cực nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và sống ly thân từ tháng 4/2016 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị V là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo kết quả xác minh và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận định: bà V làm nghề nông, còn ông B làm nghề thợ xây thường xuyên vắng nhà và công việc lại không ổn định. Trong khi đó, các con chung Trần Thanh N và Trần Thị Thu T đều có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Phạm

Thị V. Hơn nữa, sau khi vợ chồng ly thân thì các con chung do bà V nuôi dưỡng và ổn định việc học tập. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà V được trực tiếp nuôi dưỡng 03(ba) con chung là Trần Thanh N, Trần Thị Thu T và Trần Thị Thảo V là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Đối với con chung Trần Quang V đã trên 18 tuổi nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Nguyên đơn bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

ông Trần B có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và công nợ*: Nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày bà và ông B tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Phạm Thị V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0036769 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Trần B.

2. Về nuôi con chung: Giao các con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 14/3/2002; Trần Thị Thu T, sinh ngày 10/4/2003 và Trần Thị Thảo V, sinh ngày 02/5/2011 cho bà Phạm Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Trần Quang V, sinh ngày 29/5/1997 đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị V không yêu cầu ông Trần B cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

ông Trần B có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, ông B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị V phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0036769 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Xuân Chiến

